

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại Doanh nghiệp;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4412/TTr-STC ngày 21 tháng 11 năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

a) Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre.

b) Quyết định này không điều chỉnh đối với:

Tài sản cố định đang thuê hoạt động; tài sản cố định bảo quản hộ, giữ hộ, cất giữ hộ Nhà nước hoặc các tổ chức, cá nhân khác.

Tài sản cố định là tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 64 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao đối với các tài sản này thực hiện theo quy định riêng của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an.

Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng do Nhà nước đầu tư, quản lý được giao cho đối tượng quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

## 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước được giao quản lý tài sản cố định (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre.

b) Doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý tài sản cố định đặc thù; quản lý, tính hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tổ chức.

## **Điều 2. Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre**

1. Danh mục tài sản cố định đặc thù quy định chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình quy định chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản cố định căn cứ các nội dung quy định tại Quyết định này, thực hiện ghi sổ kế toán, hạch toán và quản lý tài sản theo đúng quy định.

## **Điều 4. Điều khoản thi hành**

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 01 năm 2025 và thay thế Quyết định số 41/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc quy định danh mục, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bến Tre./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trúc Sơn**

**Phụ lục I**  
**QUY ĐỊNH DANH MỤC TÀI SẢN CỐ ĐỊNH ĐẶC THÙ**  
(Kèm theo Quyết định số 55 /2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	DANH MỤC
<b>I</b>	<b>Cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, di tích</b>
1	Chất liệu bằng vàng
2	Chất liệu bằng bạc, đồng
3	Chất liệu bằng kim loại
4	Chất liệu bằng gỗ
5	Chất liệu gốm, sành, sứ
6	Chất liệu bằng đất, đá
7	Chất liệu phim, ảnh
8	Chất liệu bằng nhựa
9	Chất liệu bằng thủy tinh
10	Chất liệu bằng xương, ngà
11	Chất liệu bằng giấy
12	Chất liệu bằng vải
13	Chất liệu bằng da
14	Chất liệu mây, tre
15	Các tiêu bản, mẫu động vật, thực vật
<b>II</b>	<b>Thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập</b>

**Phụ lục II**  
**QUY ĐỊNH DANH MỤC, THỜI GIAN TÍNH HAO MÒN**  
**VÀ TỶ LỆ HAO MÒN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**  
(Kèm theo Quyết định số 55 /2024/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2024  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

TT	DANH MỤC	Thời gian tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (%/năm)
<b>I</b>	<b>Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả</b>		
1	Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác phẩm âm nhạc	25	4
2	Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học	50	2
3	Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả cuộc biểu diễn	25	4
4	Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả bản ghi âm, ghi hình	25	4
<b>II</b>	<b>Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp</b>		
1	Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp bằng độ quyền sáng chế	20	5
2	Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp giải pháp hữu ích	10	10
3	Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp kiểu dáng công nghiệp	5	20
4	Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp nhãn hiệu hàng hóa	10	10
5	Văn bằng bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	10	10
<b>III</b>	<b>Bằng bảo hộ giống cây trồng</b>		
1	Bằng bảo hộ giống cây trồng thân gỗ và cây leo thân gỗ	25	4
2	Bằng bảo hộ giống cây trồng khác	20	5
<b>IV</b>	<b>Phần mềm ứng dụng</b>		
1	Phần mềm hệ thống	5	20
2	Phần mềm ứng dụng	5	20
3	Phần mềm tiện ích	5	20
4	Phần mềm chuyên ngành	5	20